

Bản án số: 107/2021/HNGĐ-ST

Ngày 15 tháng 6 năm 2021

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÁ THƯỚC TỈNH THANH HÓA**

***-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Quyên

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Thùy

2. Bà Nguyễn Thị Huyền

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Cao Thị Nhung - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân huyện Bá Thước.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bá Thước tham gia phiên tòa:*** Ông Lê Đình Thuật– Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 199/2020/TLST- HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2020 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2021/QĐXX-ST ngày 05 tháng 5 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 20/2021/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2021.

***1. Nguyên đơn:*** Chị Lương Thị T ; Sinh năm 1982 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn C xã L C , huyện B T , tỉnh T H .

***2. Người bảo vệ quyền và nghĩa vụ cho nguyên đơn:*** Ông Trịnh Văn Thịnh- trợ giúp viên - trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thanh Hóa ( Có mặt).

***3. Bị đơn:*** Anh Vi Văn X ; Sinh năm 1978 (có mặt)

Nơi cư trú: Thôn C xã L C , huyện B T , tỉnh T H .

4. *Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:* Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển Nông thôn chi nhánh huyện Bá Thước.

Đại chỉ: Phố 2, thị trấn Cảnh Nàng, huyện Bá Thước, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn Trường- Chức vụ: Phó Giám đốc (vắng mặt)

- Chị Vi Thị X ; Sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C xã L C , huyện B T , tỉnh T H .

*Người làm chứng:* 1. Bà Hà Thị T ; Sinh năm 1941 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C xã L C , huyện B T , tỉnh T H .

2. Anh Ngân Như L sinh năm 1967 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn C xã L C , huyện B T , tỉnh T H .

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ nội dung vụ án được tóm tắt như sau:*

*Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Vi Thị T trình bày: Chị T và anh X tự do tìm hiểu và tự nguyện lấy nhau năm 1998, có tổ chức theo phong tục tập quán và tự nguyện đi đăng ký kết hôn tại UBND xã Lũng Cao năm 1998 nhưng hiện nay đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn và có xác nhận của UBND xã Lũng Cao. Vợ chồng sống hạnh phúc những năm đầu, mấy năm sau thì mâu thuẫn do anh X ham chơi dẫn đến làm ăn thua lỗ và nợ nần.

Mâu thuẫn vợ chồng gay gắt và căng thẳng vào khoảng tháng 06 năm 2020 do mâu thuẫn về kinh tế và vợ chồng đã sống ly thân. Nay chị T không còn tình cảm với anh X và mong muốn được ly hôn.

Bị đơn anh Vi Văn X trình bày: Anh chị có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lũng Cao năm 1998 (đăng ký kết hôn anh đang giữ). Sau khi lấy nhau sống hạnh phúc. Vợ chồng chưa có mâu thuẫn gì gay gắt và anh X mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi con.

*Về con chung:* Nguyên đơn chị Lương Thị T trình bày: Vợ chồng có hai con chung là Vi Khánh T sinh ngày 07/8/1999 và Vi Tuấn A sinh ngày 09/10/2007. Khi

ly hôn chị T có nguyện vọng nuôi cả hai con không yêu cầu cấp dưỡng vì chị là giáo viên nên thu nhập cũng ổn định.

Bị đơn anh Vi Văn X công nhận có hai con chung như chị T trình bày là đúng, nếu chị T cương quyết ly hôn thì anh có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung không yêu cầu cấp dưỡng. Hiện nay anh không có thu nhập vì đang nghỉ làm, nhưng trước đây anh làm nghề lái xe cho một Công ty ngoài Hà Nội. Sắp tới anh có kế hoạch sẽ ra Hà Nội xin việc thì sẽ có thu nhập.

Tại bản tự khai của cháu Vi Tuấn A . Cháu Vi Tuấn A trình bày có nguyện vọng được ở với mẹ nếu bố mẹ ly hôn (BL24).

*Về tài sản chung:* Nguyên đơn chị T trình bày tài sản vợ chồng gồm 01 nhà sàn và công trình phụ trên diện tích 135m<sup>2</sup> đã có giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ngày 15/11/2007 và các tài sản sinh hoạt (tủ gỗ, két sắt); 01 nhà bán mái trên diện tích đất nông nghiệp mua của ông Ngân Như L . Hiện nay anh Vi Văn X đang quản lý toàn bộ tài sản chung của vợ chồng.

*Nợ chung:* Nợ ngân hàng nông nghiệp vay 160.000.000đ vay từ ngày 16/01/2019 chị T đã trả qua lương đến nay còn lại 83.306.000đ (Tám mươi ba triệu ba trăm linh sáu nghìn đồng tiền gốc và lãi trả hàng tháng).

Nợ chị Vi Thị X 30.000.000đ. Tổng khoản nợ chung của vợ chồng là 113.306.000đ.

Nguyện vọng của chị T khi ly hôn tài sản chia đôi, nợ chung chia đôi chị T có nguyện vọng nhận giá trị chênh lệch chia tài sản và tự nguyện để anh X sử hữu bằng hiện vật vì anh X đang phải nuôi mẹ già. Chị T sẽ trực tiếp trả khoản nợ cho Ngân hàng và anh X giao giá trị chênh lệch cho chị.

*Về tài sản và công nợ bị đơn anh Vi Văn X trình bày:* Hiện nay anh X đang quản lý toàn bộ tài sản.

Theo anh X công sức làm nên nhà và các tài sản kiên cố trên đất đứng tên vợ chồng phải chia ba cho mẹ đẻ anh và hai vợ chồng. Vì trước đây bán nhà của bà trong làng ra làm nên nhà của vợ chồng hiện nay. Còn khoản nợ anh chị có vay Ngân hàng do chị T đứng ký bảng lương vay anh là người thừa kế và nợ chị gái anh 30.000.000đ. Nếu ly hôn hai vợ chồng cùng có trách nhiệm trả nợ cho chị Vi Thị X

*Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

1. Chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp huyện Bá Thước có ý kiến món nợ chị T vay tại chi nhánh Ngân hàng Nông nghiệp là còn dư nợ là 83.306.000đ, món vay có thỏa thuận trả nợ trừ qua tài khoản lương và anh X là người thừa kế trong hợp đồng nên yêu cầu chị T phải trực tiếp trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng vay để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay. Việc chia nợ giữa chị T và anh X đề nghị Tòa án đối trừ qua giá trị tài sản chung.

2. Chị Vi Thị X trong bản tự khai và biên bản hòa giải có trình bày: Cậu X và vợ T có nợ chị X tổng số tiền là 30.000.000đ nếu vợ chồng ly hôn thì phải có trách nhiệm trả nợ cho chị.

*Người làm chứng:* Bà Hà Thị T trình bày trong biên bản lấy lời khai ngày 29/01/2021( BL26).

Bà T trình bày đất hiện nay bà và vợ chồng T X đang ở là của bà cho vợ chồng anh X và chị T đứng tên để làm nhà. Khi vợ chồng làm nhà bà cũng có tiền góp cho con làm nhà. Lúc đó bán được bao nhiêu bà không biết vì sau khi có con dâu về thì bà giao toàn bộ cho con trai và con dâu ngoài ra bà không có ý kiến gì khác. Tòa án triệu tập bà Hà Thị T nhiều lần nhưng bà không đến tham gia phiên hòa giải và đối chất.

*Anh Ngân Như L trình bày trong bản tự khai.*

Ngày 09/11/2013 anh có chuyển nhượng phần đất ruộng của gia đình anh cho anh Vi Văn X và chị Lương Thị T diện tích viết trong giấy là 83m<sup>2</sup>. Từ năm 2013 đến nay gia đình anh X và chị T canh tác liên tục. Hiện nay trong sổ địa chính vẫn mang tên anh Ngân Như L . Anh luận vẫn giữ nguyên nội dung thỏa thuận chuyển nhượng đất nông nghiệp khi nào anh Xướng và chị T làm thủ tục sang tên thì anh L sẽ hợp tác cùng làm thủ tục theo quy định ( BL89).

*Tại các biên bản thẩm định và định giá tài sản ngày 03/3/2021 xác định:*

Anh Vi Văn X đang quản lý các tài sản sau:

1. 01 nhà sàn 03 gian, khung gỗ nhóm 3(ba) đường kính cột nhỏ hơn 25cm, sàn vách bằng gỗ dài 9 m rộng 7m, làm năm 2004 và có sửa chữa hoàn thiện năm 2015. Giá trị tại thời điểm định giá là 31.200.000đ (Ba mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

2. Phía dưới gầm nhà sàn đưa ra phía ngoài là 01 bếp tường xây 110, lợp pluxmăng diện tích 2,2m x4,5m làm năm 2015-2016 giá trị tại thời điểm định giá là 1.913.000đ ( Một triệu chín trăm mười ba nghìn đồng).

Chuồng trại phía dưới gầm nhà sàn đơn sơ các đương sự thống nhất không định giá.

Toàn bộ công nhà sàn và công trình kiến trúc kiên cố tọa trên diện tích 135m<sup>2</sup> thửa đất số 1110-45 tờ bản đồ số 1 địa chỉ thôn C, xã L C, huyện BT có tứ cận như sau:

Hướng Bắc tiếp giáp với phần đất nhà anh Hà Văn P có chiều dài 13,5m ( thực tế quản lý sử dụng là 11m +3,9m, phần rộng 10 m là làm nhà sàn, phần 3,9 m là xây bếp).

Hướng Nam giáp nương bê tông dài 13,5m ( thực tế thẩm định là 03 đoạn 5m + 8,5m + 3m),

Hướng Đông là giáp lối mòn đi ra cánh đồng có chiều dài 10m ( đo thực tế là 9,2m)

Hướng Tây giáp phần đất nhà anh Hà Văn P có chiều dài 10 m (đo thực tế gồm hai đoạn 4,5m + 1,5m)

Căn cứ Quyết định 44/2019/QĐ-UBND ngày 23/12/2019 của UBND tỉnh Thanh Hóa đất khu vực này là 100.000đ/m<sup>2</sup>.

3. Giá trị quyền sử dụng đất là 13.500.000đ ( Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

4. 01 téc nước in ốc loại 01 khối (hiệu TÂN Á ĐẠI THÀNH ) mua năm 2017 giá trị còn lại 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

5. 01 kệ gỗ để ti vi bằng gỗ lát giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao là 6.840.000đ (Sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)

6. 01 Két sắt Việt tiếp loại Mode K40N0:22933 mua năm 2019 giá trị còn lại là 1.140.000đ (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

7. 01 nhà bán mái làm trên khu vực đất nông nghiệp (mua của anh Ngân Như L ) có diện tích 25,5m<sup>2</sup> xây 110 cửa quay bóm đường tỉnh lộ 521B. Giá trị sử dụng là 10.000.000đ ( Mười triệu đồng).

Nhà làm năm 2015 tọa trên phần đất ruộng mua của anh Ngân Như L chưa làm thủ tục sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có giấy tờ viết tay). Có tứ cận như sau;

Hướng Bắc có chiều dài 20,5 m giáp phần ruộng lúa củ dân

Hướng Nam giáp đường tỉnh lộ 521B dài 20,5m

Hướng Đông giáp ruộng lúa nhà Hà Văn D có chiều dài 6,5m

Hướng Tây giáp phần nhà bán mái hộ chị Vi Thanh X dài 3,8m ( tính mép trong rãnh dọc).

8. Diện tích đất nông nghiệp khu vực 1 của xã Lũng Cao có đơn giá là 30.000đ/m<sup>2</sup>

$30.000đ \times 105m^2 = 3.168.000đ$  ( Ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Tổng trị giá toàn bộ tài sản chung là 68.261.000đ (Sáu mươi tám triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) toàn bộ tài sản anh X đang quản lý.

Ngoài ra không thẩm định, định giá tài sản nào khác.

Tại biên bản xác minh ngày 27/4/2021 (BL85)

Theo quy hoạch của Sở giao thông vận tải thì đường tỉnh lộ 521B có chỉ giới giao thông inh từ tim đường ra mỗi bên là 18,7m.

Các hộ dân ở thôn Cao, xã Lũng Cao ( khu vực nhà chị T anh X làm nhà bán mái trên đất nông nghiệp mua của anh Ngân Như L ) có sử dụng đất nông nghiệp xây dựng các công trình kiến trúc chưa có hộ nào được chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất ở.

UBND xã Lũng Cao đã rà soát các trường hợp vi phạm đã có hồ sơ xử phạt hành chính trước ngày 01/7/2014 mà sau khi trừ hành lang giao thông diện tích còn lại tối thiểu 60m sẽ được xem xét lập hồ sơ đề nghị chuyển đổi mục đích sử dụng theo quy định.

Trường hợp đất nông nghiệp của chị T và anh X mua của anh Ngân Như L có làm nhà bán mái đã bị xử phạt hành chính ngày 02/12/2016 diện tích sử dụng nằm trọn trên hành lang giao thông (chiều dài theo mặt đường tỉnh lộ 521 B là 20,5m nhưng chiều rộng tính từ mép rãnh ngoài đến hết phần đất là 6,5m) tổng diện tích đất nông nghiệp hiện nay anh chị đang sử dụng là 133,25m<sup>2</sup> thuộc thửa số 79 tờ bản đồ số 368 đang mang tên anh Ngân Như L

**Tại phiên tòa:** Nguyên đơn giữa nguyên yêu cầu khởi kiện xin ly hôn, trực tiếp nuôi dưỡng các con chung không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản và nợ chung chia đôi. Chị T tự nguyện để anh X g sở hữu các tài sản chung bằng hiện vật và chị nhận giá trị chênh lệch chia tài sản từ anh X . Nợ chung chị Thúc có nguyện vọng

trực tiếp trả nợ Ngân hàng nông nghiệp để anh X trả nợ cho chị gái anh là chị Vi Thị X .

Bị đơn trình bày tại phiên tòa: Không đồng ý ly hôn nhưng thừa nhận sau khi ly thân chị T không quan tâm và không có trách nhiệm gì với chồng và gia đình nhà chồng. Nếu ly hôn anh X có nguyện vọng nuôi con không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản yêu cầu chia ba phần cho bà T và vợ chồng nhưng chia bằng hiện vật. Về nợ chung đồng ý để chị T trực tiếp trả nợ ngân hàng. Hiện nay anh đã xin được việc làm giao hàng tiện tích thu nhập khoảng 6000.000đ đến 7.000.000đ/ tháng

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bá Thước có đơn xin xử vắng mặt.

Chị Vi Thị X đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn trình bày tại phiên tòa: Về hôn nhân đề nghị HĐXX xử cho chị T ly hôn anh X vì bản thân chị Thúc không còn tình cảm vợ chồng với anh X . Về con chung cháu Vi Tuấn A hiện nay đang ở cùng chị thúc và cháu cũng có nguyện vọng ở với mẹ đề nghị HĐXX giao cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Vi Tuấn A cho đến tuổi thành niên.

Về tài sản và nợ chung: Đề nghị chia đôi giá trị tài sản và nợ chung để đảm bảo quyền lợi cho chị T có điều kiện tạo dựng chỗ ở mới vì thực tế nhà đất của chị T và anh X nếu chia bằng hiện vật không đảm bảo giá trị sử dụng. Đề nghị HĐXX miễn toàn bộ án phí cho chị T vì chị sinh sống tại vùng đặc biệt khó khăn.

*Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:*

Về tố tụng: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và trình tự tố tụng thẩm phán, thư ký, HĐXX thực hiện đúng đủ theo quy định của BLTTDS.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình. Xử cho chị T ly hôn anh X . Giao cho chị Lương Thị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Vi Tuấn A sinh ngày 09/10/2007 cháu Vi Khánh T đã trên mười tám tuổi đề nghị không xem xét. Về tài sản đề nghị HĐXX chia đôi giá trị tài sản chung và nợ chung giao cho anh X sở hữu bằng hiện vật các tài sản chung anh X đang quản lý và có trách nhiệm giao lại giá trị chênh lệch cho chị T .

Về án phí: Miễn toàn bộ án phí cho các đương sự theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu có tại hồ sơ cũng như kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là vụ án “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chia tài sản chung” theo quy định tại khoản 1 Điều 28 BLTTDS và thuộc thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS. Thẩm phán, thư ký và HĐXX đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định, trình tự của Bộ Luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Ngân hàng nông nghiệp có đơn xin xử vắng mặt, chị Vi Thị X đã được tổng đạt hợp lệ các quyết định tố tụng nên HĐXX vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là đúng quy định tại Điều 227 của BLTTDS.

Đối với bà Hà Thị T tuy bà trình bày trong khối tài sản chung của vợ chồng anh X và chị T có một phần tài sản của bà cho anh chị nhưng bà không xác định được giá trị là bao nhiêu. Bà Thuận không trình bày nguyện vọng được phân chia tài sản. Tòa án triệu tập nhiều lần đến hòa giải đối chất nhưng bà không đến tham gia phiên họp. HĐXX xác định bà Hà Thị T tham gia tố tụng với tư cách là người làm chứng

[2.] *Về hôn nhân*: Chị Lương Thị T và anh Vi Văn X tự do tìm hiểu, tự nguyện lấy nhau. Anh chị có đi đăng ký kết hôn nên hôn nhân của anh chị hợp pháp.

HĐXX xét thấy mâu thuẫn vợ chồng chị T và anh X đã đến mức trầm trọng vì không còn tin tưởng nhau về tình cảm, về kinh tế, hiện tại đã ly thân. Chị T xác định không còn tình cảm với anh X và thiết tha xin ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lương Thị T và xử cho chị Lương Thị T ly hôn anh Vi Văn X g.

[3]. *Về con chung*. Chị T và anh X có 02 con chung là cháu Vi Khánh T sinh ngày 07/8/1999 đã trên 18 tuổi HĐXX không xét đến trách nhiệm nuôi dưỡng. Cháu Vi Tuấn A sinh ngày 09/10/2007 chị T đang trực tiếp nuôi dưỡng nguyện vọng của cháu mong được ở với mẹ. Bản thân chị T là giáo viên thu nhập ổn định. HĐXX xem xét đến điều kiện để đảm bảo điều kiện tốt nhất cho con chung nên giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng con chung.



[4]. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị T và anh X có khối tài sản chung có tổng trị giá là 68.261.000đ toàn bộ tài sản anh X đang quản lý. Phần đất ở và nhà sản chia không đảm bảo giá trị sử dụng. Phần nhà bán mái làm trên đất nông nghiệp không đủ điều kiện để chuyển đổi mục đích sử dụng thành đất ở.

Bà Thuận và anh X trình bày tài sản chung của anh X và chị T có một phần giá trị là tiền bán nhà của bà T đưa cho vợ chồng tuy bà không xác định được là bao nhiêu vì sau khi con trai lấy vợ bà giao toàn bộ cho các con. Đây xác định là khoản vợ chồng được tặng cho chung. Nên toàn bộ giá trị tài sản của chị T và anh X được xác định là khối tài sản chung của vợ chồng.

Hiện nay anh X đang ở cùng mẹ đẻ sinh năm 1941, chị Thúc và các con đã về ở tạm bên ngoại ở thôn H xã LC. Anh X hiện nay chưa có thu nhập ổn định việc tạo dựng chỗ ở mới khó khăn hơn so với chị T nên HĐXX giao cho anh X sở hữu toàn bộ tài sản chung của vợ chồng bằng hiện vật có giá trị 68.261.000đ. Nhưng anh X có trách nhiệm giao giá trị chênh lệch chia tài sản chung cho chị T là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Chia anh hẳn hơn vì chị T có thu nhập ổn định hơn và anh X đang phải nuôi mẹ già hết khả năng lao động. Chị T nhận giá trị chênh lệch chia tài sản bằng tiền từ anh X là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng)

*Về nợ chung*: Tổng nợ chung gồm: 83.306.000đ nợ Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bá Thước và nợ chị Vi Thị X (chị gái anh X) là 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng). Tổng nợ chung là 113.306.000đ mỗi người phải có trách nhiệm trả nợ là 56.653.000đ. Giao cho anh X trực tiếp trả khoản nợ 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) cho chị Vi Thị X (chị gái anh X). Giao cho chị T trực tiếp trả khoản nợ Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh Bá Thước là 83.306.000đ. Anh X phải giao cho chị Thúc số tiền chênh lệch để trả nợ là 26.653.000đ

Như vậy tổng số tiền anh X phải giao cho chị T là 30.000.000đ (chênh lệch chia tài sản) + 26.653.000đ giao chênh lệch trách nhiệm trả nợ = 56.653.000đ (Năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

[5]. *Về án phí*: Chị T và anh X được miễn toàn bộ án phí ly hôn và án phí chia tài sản. Thời điểm thụ lý vụ án án toàn bộ dân cư sinh sống tại xã LC, huyện B T thuộc vùng III vùng đặc biệt khó khăn theo quy định của Chính Phủ và bản thân nguyên đơn chị Lương Thị T có đơn xin miễn toàn bộ tiền tạm ứng án phí, án phí ly hôn và án phí chia tài sản. Tòa án nhân dân huyện Bá Thước đã có thông báo chấp nhận miễn toàn bộ án phí cho chị Lương Thị T .

Vì các lẽ trên;

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** - Căn cứ Khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 61; Điều 62 Điều 81, Điều 82; Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, Nghị quyết: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

**2.** Chấp nhận đơn khởi kiện của chị Lương Thị T . Xử cho chị Lương Thị T ly hôn anh Vi Văn X .

**3.** Về con chung: Giao cháu Vi Tuấn A sinh ngày 09/10/2007 cho chị Lương Thị T tiếp tục nuôi dưỡng cho đến tuổi thành niên.

-Anh Vi Văn X không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Anh Vi Văn X có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

**4.** Về tài sản: Giao cho anh Vi Văn X có quyền sở hữu các tài sản chung của vợ chồng anh đang quản lý gồm:

1. 01 nhà sàn 03 gian, khung gỗ nhóm 3(ba) đường kính cột nhỏ hơn 25cm, sàn vách bằng gỗ dài 9 m rộng 7m, làm năm 2004 và có sửa chữa hoàn thiện năm 2015. Giá trị tại thời điểm định giá là 31.200.000đ (Ba mươi một triệu hai trăm nghìn đồng).

2. Phía dưới gầm nhà sàn đưa ra phía ngoài là 01 bếp tường xây 110, lợp pluxmăng diện tích 2,2m x4,5m làm năm 2015-2016 giá trị tại thời điểm định giá là 1.913.000đ ( Một triệu chín trăm mười ba nghìn đồng).

Chuồng trại phía dưới gầm nhà sàn đơn sơ các đưng sự thống nhất không định giá.

Toàn bộ công nhà sàn và công trình kiến trúc kiên cố tọa trên diện tích 135m<sup>2</sup> thửa đất số 1110-45 tờ bản đồ số 1 địa chỉ thôn Cao, xã Lũng Cao, huyện Bá Thước có tứ cận như sau:

Hướng Bắc tiếp giáp với phần đất nhà anh Hà Văn Phóng có chiều dài 13,5m ( thực tế quản lý sử dụng là 11m +3,9m, phần rộng 10 m là làm nhà sàn, phần 3,9 m là xây bệp).

Hướng Nam giáp nương bê tông dài 13,5m ( thực tế thăm định là 03 đoạn 5m + 8,5m + 3m),

Hướng Đông là giáp lối mòn đi ra cánh đồng có chiều dài 10m ( đo thực tế là 9,2m)

Hướng Tây giáp phần đất nhà anh Hà Văn Phóng có chiều dài 10 m (đo thực tế gồm hai đoạn 4,5m + 1,5m)

Giá trị quyền sử dụng đất là 13.500.000đ ( Mười ba triệu năm trăm nghìn đồng).

Anh Vi Văn ó toàn quyền sử dụng toàn bộ diện tích đất ở và làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với cơ quan chức năng.

3. 01 téc nước in ốc loại 01 khối mua năm 2017 giá trị còn lại 500.000đ (Năm trăm nghìn đồng).

4. 01 kệ gỗ để ti vi bằng gỗ lát giá trị còn lại sau khi trừ khấu hao là 6.840.000đ (Sáu triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng)

5. 01 Két sắt Việt tiếp loại Mode K40N0: 22933 mua năm 2019 giá trị còn lại là 1.140.000đ (Một triệu một trăm bốn mươi nghìn đồng).

6. 01 nhà bán mái làm trên khu vực đất nông nghiệp (mua của anh Ngân Như Luận) có diện tích 25,5m<sup>2</sup> xây 110 cửa quay bảm đường tỉnh lộ 521B. Giá trị sử dụng là 10.000.000đ

Nhà bán mái làm năm 2015 tọa trên phần đất nông nghiệp mua của anh Ngân Như L chưa làm thủ tục sang tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (có giấy tờ viết tay). Có tứ cận như sau;

Hướng Bắc có chiều dài 20,5 m giáp phần ruộng lúa củ dân

Hướng Nam giáp đường tỉnh lộ 521B dài 20,5m

Hướng Đông giáp ruộng lúa nhà Hà Văn Dự có chiều dài 6,5m

Hướng Tây giáp phần nhà bán mái hộ chị Vi Thanh Xuân dài 3,8m ( tính mép trong rãnh dọc).

Diện tích đất nông nghiệp khu vực 1 của xã Lũng cao có đơn giá là 30.000đ/m<sup>2</sup>

$30.000đ \times 105m^2 = 3.168.000đ$  ( Ba triệu một trăm sáu mươi tám nghìn đồng).

Anh Vi Văn X có trách nhiệm làm thủ tục sang tên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất với cơ quan chức năng.

Tổng trị giá toàn bộ tài sản chung là 68.261.000đ ( Sáu mươi tám triệu hai trăm sáu mươi một nghìn đồng) toàn bộ tài sản anh X đang quản lý.

Chị T nhận giá trị chênh lệch chia tài sản bằng tiền từ anh X là 30.000.000đ ( Ba mươi triệu đồng)

**5. Về nợ chung:** Anh Vi Văn X có trách nhiệm trả khoản nợ cho chị Vi Thị X là 30.000.000đ ( ba mươi triệu đồng) và chị Lương Thị T có trách nhiệm trả khoản nợ cho Ngân hàng nông nghiệp là 83.306.000đ gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng. Anh Vi Văn X phải giao cho chị T số tiền chênh lệch để trả nợ là 26.653.000đ

Như vậy tổng số tiền anh X phải giao cho chị T là 30.000.000đ (chênh lệch chia tài sản) + 26.653.000đ giao chênh lệch trách nhiệm trả nợ = 56.653.000đ ( Năm mươi sáu triệu sáu trăm năm mươi ba nghìn đồng).

- *Về án phí:* Miễn toàn bộ án phí ly hôn và án phí chia tài sản cho chị Lương Thị T và anh Vi Văn X

#### **6. Trách nhiệm chậm thực hiện nghĩa vụ: Căn cứ Điều 357 của BLDS**

Kể từ khi án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án và Chi cục thi hành án ra quyết định thi hành án, mà người phải thi hành án không thi hành án hoặc thi hành không đầy đủ, thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án. Lãi suất phát sinh do chậm trả thực hiện theo thỏa thuận nhưng không vượt quá mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 BLDS, nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS.

**7. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự** thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 9 Luật thi hành án; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án sơ thẩm có mặt chị Lương Thị Thanh Vi Văn X vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (chị Vi Thị X và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn chi nhánh huyện Bá Thước). Chị T và anh X được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tổng đạt án hợp lệ.

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Viện kiểm sát;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH
- Lưu hồ sơ

**T M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Quyên**